

BẢNG KẾT QUẢ THI KỸ NĂNG NÓI

Kỳ thi: Đánh giá năng lực Tiếng Anh (trình độ tương đương B1) **Phòng thi:** Phòng chờ thi B1.203

Môn thi: Kỹ năng nói

Ca thi: 13h30

Ngày thi: 24/11/2021

TT	SBD	Họ và tên	Năm sinh	Tổng điểm (thang 20)		Ký tên	Ghi chú
				Bảng số	Bảng chữ		
1	TA0054	Lê Quang Phú	4/29/1999				
2	TA0055	Hoàng Minh Phương	12/29/1999				
3	TA0056	Lê Hoàng Chiến	6/7/1999				
4	TA0057	Quách Ngọc Lân	4/5/1999				
5	TA0058	Đặng Quang Chiến	11/1/1999				
6	TA0059	Phan Anh	10/25/1999				
7	TA0060	Trần Hữu Thơm	12/20/1999				
8	TA0061	Lê Anh Đức	7/29/1999				
9	TA0062	Phí Thị Thu Thúy	5/15/1999				
10	TA0063	Nguyễn Thị Lan Chinh	6/14/1999				
11	TA0064	Nguyễn Hải Yến	2/3/1999				
12	TA0065	Vũ Thị Thảo	1/5/1999				
13	TA0066	Nguyễn Thị Mai	9/8/1999				
14	TA0067	Nguyễn Thị Thu Hà	8/11/1999				
15	TA0068	Nguyễn Văn Nhật	5/21/1999				
16	TA0069	Nguyễn Thị Thu Trang	1/6/1999				
17	TA0070	Nguyễn Huyền Trang	11/3/1999				
18	TA0071	Phạm Tiến Đạt	10/3/1999				
19	TA0072	Lê Trang Thu	4/9/1999				
20	TA0073	Phan Đình Huy	4/23/1999				
21	TA0074	Nguyễn Đức Hoàn	9/8/1999				
22	TA0075	Bùi Văn Dũng Dũng	8/10/1999				
23	TA0076	Lê Thị Thủy Tiên	6/11/1998				
24	TA0077	Trần Thị Thúy Hằng Hằng	2/19/1998				
25	TA0078	Nguyễn Thị Thanh Vân	6/23/1999				
26	TA0079	Đào Ngọc Thức	7/27/1999				

Tổng số thí sinh theo danh sách:Tổng số thí sinh có mặt:.....

Tổng số bài thi:.....Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ chấm thi thứ nhất

(ký ghi rõ họ tên)